

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
- Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13 - An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Trương Thanh Cao V, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1996, tại thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 288B, tổ 02, khu phố 2, phường Trung D, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai (nay là số 288B, tổ 02, khu phố 2, phường Trán B, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Trương Thanh D và bà Nguyễn Thị Thuỳ N; Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2025 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1998, tại huyện Châu P, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp Bình M, xã B, huyện Châu P, tỉnh An Giang (nay là ấp Bình M, xã B, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo

Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2025 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

- Ông Lâm Ngọc T, sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp Bình H, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang (nay là ấp Bình H, xã Bình M, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

- Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1970, nơi cư trú: Khóm Bình H, thị trấn Cái D, huyện Châu P, tỉnh An Giang (nay là ấp Bình H, xã Châu P, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1980, nơi cư trú: Ấp Bình L, xã Bình C, huyện Châu P, tỉnh An Giang (nay là ấp Bình L, xã Bình M, tỉnh An Giang). (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Tổ C, sinh năm 1975; (vắng mặt)

- Ông Mai Nhựt T, sinh năm 1993; (vắng mặt)

- Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1977; (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1964; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 22/4/2025, Trương Thanh Cao V và Nguyễn Văn T từ Nhà trọ Xuân Mai thuộc ấp Chánh Hưng, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là ấp Chánh Hưng, xã Châu Phú, tỉnh An Giang) đến tiệm games thuộc khóm Vĩnh Phúc, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là ấp Vĩnh Phúc, xã Châu Phú, tỉnh An Giang) chơi games. Đến khoảng 01 giờ ngày 23/4/2025, V và T nghỉ chơi đi bộ về. Khi đi đến khu vực nhà trọ “Thanh Bình” thuộc khóm Vĩnh Tiến, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là ấp Vĩnh Tiến, xã Châu Phú, tỉnh An Giang) thì cả hai phát hiện chiếc xe đạp, màu trắng – cam của Lê Hoàng N đang dựng trong nhà xe nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài, V là người trực tiếp lấy chiếc xe đạp, T cảnh giới. Sau khi lấy trộm xe đạp V điều khiển chở T ngồi phía sau về Nhà trọ Xuân Mai.

Trên đường đi, T nói với V “*Ra Nhà trọ 123 coi có xe không*”, V đồng ý. V chở T đến nhà trọ “123” thuộc ấp Bình Chánh, xã Bình Long, huyện Châu Phú (nay là ấp Bình Chánh, xã Châu Phú) lúc này khoảng 02 giờ 25 phút cùng ngày, T đi bộ vào khu vực lối đi chung của nhà trọ quan sát thì thấy chiếc xe mô tô biển số 67CA – 2289 của Lâm Ngọc T đang dựng trước cửa phòng trọ số 3, xe không có khóa cổ nên cả hai nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên. Để thực hiện hành vi, T đứng quan sát cảnh giới, V đi đến dẫn chiếc xe mô tô biển số 67CA – 2289 về nhà trọ “Xuân Mai”, còn T chạy xe đạp theo sau. Khi về đến nhà trọ Xuân Mai, V và T đem chiếc xe đạp và chiếc xe mô tô vừa trộm được cất giấu ở phòng trống không có khoá cửa ở cuối dãy trọ rồi cả 02 vào phòng trọ số 34 ngủ. Sáng ngày 23/4/2025, Lâm Ngọc T phát hiện xe mô tô bị mất trộm nên đến Công an trình báo. Đến ngày 24/4/2025, Trương Thanh Cao V và Nguyễn Văn T đến Công an xã Bình Long (nay là xã Châu Phú), tỉnh An Giang đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

** Căn cứ Kết luận định giá số 13/KL-HĐĐGTS ngày 25/4/2025 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Phú, kết luận: 01 (một) chiếc xe đạp, màu trắng – cam, số khung 9G16662, đã qua sử dụng trị giá 240.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 67CA – 2289, màu vàng - bạc, số máy 139FMB 111768, số khung B7UMB 1111768, nhãn hiệu Wayec, số loại 50 đã qua sử dụng, trị giá 6.400.000 đồng. Tổng giá trị 6.640.000 đồng.*

** Căn cứ Kết luận giám định số 721/KL-KTHS ngày 08/6/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận:*

- 01 (một) đĩa DVD, nhãn hiệu maxell, loại dung lượng 4,7GB, DVD lưu trữ dữ liệu 01 tập tin video có phần mở rộng “.mp4” , dung lượng 6,14 MB. DVD được niêm phong trong phong bì màu trắng, bên ngoài có chữ ký, chữ viết mang tên: Lâm Ngọc Tuấn và dấu tròn màu đỏ của Công an xã Bình Long – Công an tỉnh An Giang. (ký hiệu A1).

- 01 (một) đĩa DVD, nhãn hiệu maxell, loại dung lượng 4,7GB, DVD lưu trữ dữ liệu 01 tập tin video có phần mở rộng “.mp4” , dung lượng 15,5 MB. DVD được niêm phong trong phong bì màu trắng, bên ngoài có chữ ký, chữ viết mang tên: Phùng Sở Đức và dấu tròn màu đỏ của Công an xã Bình Long – Công an tỉnh An Giang. (ký hiệu A2).

Trích xuất 07 (Bảy) ảnh từ dữ liệu 01 tập tin video lưu trữ trong đĩa DVD (ký hiệu A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

Từ chối trích xuất dữ liệu hình ảnh trong tập tin Video lưu trữ trong đĩa DVD ký hiệu A1, lý do: Tập tin Video clip gửi giám định không phải là tập tin copy từ dữ liệu gốc, mà quay lại màn hình camera.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSKV13 ngày 09/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang đã truy tố Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Trương Thanh Cao V từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- Về vật chứng: Đã giao trả cho bị hại nên không xem xét giải quyết.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, kết luận giám định, định giá cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T đã có hành vi lấy trộm tài sản của ông Lê Hoàng N là một chiếc xe đạp, màu trắng – cam, số khung 9G16662, đã qua sử dụng trị giá 240.000 đồng và tài sản của ông Lâm Ngọc T là một chiếc xe mô tô biển số 67CA – 2289, màu vàng - bạc, số máy 139FMB 111768, số khung B7UMB 1111768, nhãn hiệu Wayec, số loại 50 đã qua sử dụng, trị giá 6.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản 6.640.000 đồng.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo V là người trực tiếp thực hiện lấy trộm tài sản, bị cáo T là người cảnh giới. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, chứng tỏ các bị cáo là người rất coi thường pháp luật.

Hiện tại trên địa bàn xã Châu Phú các tội phạm về trộm cắp tài sản có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó, việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội. Mức hình phạt tù có thời hạn mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, đề nghị này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo không có thu nhập ổn định, điều kiện hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 01 chiếc xe đạp, màu trắng – cam, số khung 9G16662, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô biển số 67CA – 2289, màu vàng - bạc, số máy 139FMB 111768, số khung B7UMB 1111768, nhãn hiệu Wayec, số loại 50 đã giao trả cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Trương Thanh Cao V 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 24/4/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 24/4/2025.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trương Thanh Cao V, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Viện KSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Phân trại tạm giam khu vực Châu Phú;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

